

Trú tại: thôn B, xã HM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

(Có mặt tại phiên tòa).

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Vũ Thanh T, sinh năm 1976 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước.

(Có mặt tại phiên tòa).

***Người bị hại:** Bùi Đức A, sinh năm 1999

Trú tại: thôn AL, xã AC, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Ma Văn B, sinh năm 1978.

Trú tại: Thôn B, xã HM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

(vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 06/10/2017, Ma Văn T sinh ngày 03/01/2001, trú tại thôn B, xã HM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang từ nhà đi bộ đến khu vực sân vận động thôn Thắm, xã HM, huyện Chiêm Hóa. Khi đi ngang qua sân vận động đèn tường rào của trường trung học cơ sở số 01 HM (thuộc thôn Thắm, xã HM) Tuấn nhìn qua ô kính phát hiện ánh sáng của điện thoại tại khu vực hành lang tầng 2 và tiếng nói các em học sinh của nhà trường nên T trèo qua tường rào vào bên trong khuôn viên của trường học rồi đi lên chỗ có ánh sáng điện thoại và các em học sinh T đã thấy trước đó. Lên đến hành lang tầng 2, đầu phòng học lớp 7, T thấy anh Bùi Đức Anh, sinh năm 1999 trú tại thôn AC, xã AC, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình là thợ xây đang làm công trình của trường trung học cơ sở số 1 xã HM đang cùng các cháu học sinh gồm: Hứa Thảo Nguyên, sinh năm 2003, trú tại thôn Cao Bình, xã HM, huyện Chiêm Hóa; Lý Thị Khé, sinh năm 2005, Bàn Xuân T1, sinh năm 2003, Đặng Phúc Thanh, sinh năm 2003, Bàn Kim Thành, sinh năm 2003, Lý Ý Giang, sinh năm 2005, Lý Thị Xuân, sinh năm 2003 đều trú tại thôn Đổng, xã HM, huyện Chiêm Hóa đang ngồi xem phim trên điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F3 của Bùi Đức Anh để ở bờ bê lan can cầu thang nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Thấy mọi người đang chăm chú xem phim, T tiến đến dùng tay phải cầm lấy chiếc điện thoại đồng thời cười to “Hô hô hô hô” mục đích đe dọa mọi người rồi bỏ chạy theo cầu thang xuống tầng 1 đi về nhà. Về đến nhà T tháo 01 khay sắt đựng thẻ sim, 02 sim Viettel ra cất giấu trên chạn bát ở bếp của gia đình T, còn điện thoại T để trên giường ngủ của mình sau đó đi ngủ. Khoảng 10 giờ ngày 07/10/2017, sau khi đi chăn trâu về, T đem chiếc điện thoại ra phía sau chuồng trâu của gia đình T để sử dụng. Quá trình T sử dụng chiếc điện thoại đã cướp giật được nêu trên, ông Ma Văn Bách (là bố đẻ của T) nhìn thấy, do nghi

ngờ T trộm cắp điện thoại của người khác nên ông Bách đã yêu cầu T đưa điện thoại cho mình và bảo T đi vào trong nhà, sau đó ông Bách đem chiếc điện thoại cất giấu lên mái lá cọ chuồng trâu của gia đình mình mục đích không cho T biết lấy lại điện thoại và sẽ trình báo Cơ quan Công an. Đến khoảng 19 giờ ngày 07/10/2017, khi Cơ quan Công an đến làm việc ông Bách đã giao nộp chiếc điện thoại có đặc điểm nêu trên cho Cơ quan điều tra.

Tại Cơ quan điều tra Ma Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Người bị hại anh Bùi Đức Anh trình bày ý kiến: Quá trình điều tra anh Đức Anh đã nhận lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F3, 01 khay sắt đựng thẻ sim, 02 sim điện thoại Viettel. Nay anh đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, anh không yêu cầu bồi thường dân sự.

Tại kết luận định giá tài sản số: 75/KL – TĐG ngày 08/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Chiêm Hóa, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F3 có giá trị là 6.990.000^d (Sáu triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 72/QĐ- KSDT ngày 28/11/2017 truy tố bị cáo Ma Văn T về tội *Cướp giật tài sản* theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và đưa ra quan điểm xét xử đối với vụ án đã đề nghị:

+ Áp dụng: Khoản 1 Điều 171 BLHS 1999; Các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt:

Bị cáo Ma Văn T từ 12 đến 15 tháng tù, hạn tù tính từ ngày vào trại chấp hành án.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Ma Văn T trình bày: Nhất trí với tội danh mà điều luật mà đại diện VKS đã truy tố nhưng đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo Ma Văn T thực hiện hành vi phạm tội khi chưa thành niên nên khả năng nhận thức pháp luật còn hạn chế; Bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo của xã. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 100 Bộ luật hình sự 2015 áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Ma Văn T.

Bị cáo Ma Văn T trình bày: Khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 06/10/2017, khu vực hành lang tầng 2 trường Trung học cơ sở số 1 HM, bị cáo đã có hành vi cướp giật 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F3 trị giá 6.990.000^d (Sáu triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng) của anh Bùi Đức Anh. Viện kiểm sát quy kết bị cáo về tội Cướp giật tài sản là đúng, không tranh luận, bào chữa gì thêm. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng: Quá trình điều tra Điều tra viên, Cơ quan điều tra và quá trình truy tố kiểm sát viên, Viện kiểm sát đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về việc “Điều tra”, “Truy tố” đồng thời đã giải thích và tạo điều kiện để người bị hại, bị cáo, người tham gia tố tụng khác thực hiện đủ, đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ.

Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo và người đại diện không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

2.1. Hành vi phạm tội, lời khai bị cáo:

Với quy kết tại cáo trạng số 72/QĐ- KSĐT ngày 28/11/2017 và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa; Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại; người làm chứng và diễn biến khách quan của vụ án. Đủ căn cứ để xác định:

Khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 06/10/2017, khu vực hành lang tầng 2 trường Trung học cơ sở số 1 HM (thuộc thôn Thắm, xã HM), bị cáo Ma Văn T, sinh năm 2001, trú tại thôn Bàu, xã HM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang đã có hành vi cướp giật 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F3 trị giá 6.990.000^d (Sáu triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng) của anh Bùi Đức Anh, trú tại thôn An Lạc, xã An Châu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Như vậy có đủ căn cứ để quy kết bị cáo Ma Văn T phạm tội *Cướp giật tài sản* theo quy định tại khoản 1 Điều 136 Bộ luật hình sự 1999, do vậy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo phạm tội cướp giật tài sản, hành vi phạm tội thực hiện ngày 06/10/2017, phạm vào tội Cướp giật tài sản được quy định tại khoản 1 điều 136 bộ luật hình sự 1999; Bộ luật hình sự 2015 quy định tội cướp giật tài sản tại điều 171, tuy nhiên mức hình phạt ngang nhau. Ngày 28/11/2017 Viện kiểm sát huyện Chiêm Hóa đã ban hành cáo trạng truy tố bị cáo theo khoản 1 điều 136 BLHS 1999, vì vậy cần áp dụng hình phạt đối với bị cáo theo khoản 1 điều 136 Bộ luật hình sự 1999 là phù hợp.

2.2. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

2.2.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

2.2.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có ý thức thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự theo quy định tại các điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần xem xét áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi chưa thành niên (16 tuổi 9 tháng 03 ngày) nên áp dụng các quy định, nguyên tắc xử lý của Bộ luật hình sự đối với người chưa thành niên theo quy định tại Chương XXVIII Bộ luật tố tụng hình sự để quyết định hình phạt

Quan điểm của Kiểm sát viên về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt cần áp dụng đối với bị cáo phù hợp.

Đề nghị của người bào chữa về việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là chưa phù hợp với tính chất nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo, do đó không có căn cứ chấp nhận.

2.3. Về mức hình phạt cần áp dụng đối với bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an ninh xã hội, gây tâm lý bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vì mục đích tư lợi nên bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo thực hiện hành vi cướp giật tài sản rất tích cực, thấy tài sản của bị hại sơ hở nảy sinh ý định cướp giật chiếc điện thoại của bị hại. Vì vậy cần áp dụng xử phạt các bị cáo một cách tương xứng, thông qua đó nhằm răn đe phòng ngừa giáo dục chung tại địa phương, với hành vi này lẽ ra phải xử phạt bị cáo ở mức cao trong khung hình phạt, tuy nhiên bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, vì vậy cần áp dụng các quy định đối với người chưa thành niên và giảm một phần hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khoản 1 điều 136 BLHS 1999 là phù hợp.

2.4. Xem xét lời khai của người bị hại, người làm chứng: Lời khai của người bị hại và người làm chứng phù hợp với lời khai của bị cáo và phù hợp với diễn biến khách quan của vụ án.

2.5. Hình phạt bổ sung: Xét tính chất vụ án và hoàn cảnh của bị cáo đang sống phụ thuộc vào bố mẹ, phạm tội khi chưa thành niên, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo. Vì vậy, HĐXX quyết định miễn phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.6. Về trách nhiệm dân sự, vật chứng: Tại phiên tòa hôm nay anh Bùi Đức Anh vắng mặt, nhưng qua hồ sơ thể hiện anh đã nhận được tài sản bị chiếm đoạt, không đề nghị bị cáo bồi thường thêm khoản tiền gì, hiện không thắc mắc hay khiếu nại gì, tại đơn xin vắng mặt không yêu cầu gì thêm. HĐXX không đề cập giải quyết.

[3]. Về nghĩa vụ chịu án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo **Ma Văn T** phạm tội ***Cướp giật tài sản***.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 136 BLHS 1999 (sửa đổi bổ sung 2009); Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật hình sự xử phạt: Bị cáo Ma Văn T 01 (một) năm tù. Hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

- Áp dụng: Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Buộc bị cáo Ma Văn T phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện theo pháp luật của bị cáo, người bào chữa có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/01/2018), người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện Chiêm Hoá;
- VKSND tỉnh TQ; Sở tư pháp;
- Công an huyện Chiêm Hoá;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hoá;
- Phòng HSNV, CA tỉnh TQ;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ, Lưu trữ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ma Ngọc Trung